

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST

Ngày : 31/01/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Đặng Văn Quý

Ông: Nguyễn Văn Bình

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Chung Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HS ngày 17/01/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: VÕ VĂN T; sinh ngày 01 tháng 4 năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú (tạm trú): Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Võ Thị H; chưa có vợ con; nhân thân: ngày 03/4/2015, Ủy ban nhân dân Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy 24 tháng kể từ ngày 24/4/2015 (Quyết định số 1181/QĐ-UBND); tiền án: ngày 17/3/2011 Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 59/2011/HSST); tiền sự: Ngày 12/7/2017, Công an Phường 10, quận Tân Bình xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 25/10/2017.

(Có mặt )

**- Bị hại:**

Bà: Trương Thị T1, sinh năm 1950

Địa chỉ: phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Võ Thị H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

Bà Phạm Thị Thu C, sinh năm 1964

Địa chỉ: Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

Ông Phạm Văn S, sinh năm 1966

Địa chỉ: Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25/10/2017, Võ Văn T điều khiển xe gắn máy biển số 51U1-8264 đến chợ X gửi xe rồi đi vào trong chợ tìm người quen tên T2 (không xác định được lai lịch) để xin tiền, đến khoảng 17 giờ 45 phút khi đi ngang qua sạp số 150 khu 2B của bà Trương Thị T1 thì thấy bà T1 đang sắp xếp hàng hóa. Quan sát thấy bà T1 một mình, xung quanh không có ai nên Võ Văn T nảy sinh ý định trộm cắp. T lên vào bên trong sạp của bà T1 lấy một kiện hàng (bên trong có 49 cái quần lưng kiêu nữ màu đen, kết quả định giá trong tố tụng hình sự trị giá tài sản T chiếm đoạt là  $60.000 \text{ đồng/cái} \times 49 = 2.940.000 \text{ đồng}$ ) đang để trên kệ vác lên vai và đi ra thì bà T1 phát hiện và tri hô. Thấy vậy, Võ Văn T ném kiện hàng xuống đất, bỏ chạy ra hướng cổng chính chợ X thì bị anh Kiều Văn Quốc D đuổi theo cùng bảo vệ chợ X bắt giữ được T giao Công an Phường G, quận H xử lý.

Cùng với việc bắt giữ Võ Văn T, Cơ quan Công an đã thu giữ vật chứng gồm:

- 01 kiện hàng gồm 49 cái quần lưng kiêu nữ màu đen, kết quả định giá trong tố tụng hình sự trị giá tài sản T chiếm đoạt là  $60.000 \text{ đồng/cái} \times 49 = 2.940.000 \text{ đồng}$ , đã trả lại cho bị hại.

- 01 chiếc xe gắn máy, biển số 51U8-8264 thu giữ của T. Qua xác minh chủ sở hữu là ông Phạm Văn S, ông Sơn đứng tên giùm cho bà Phạm Thị Thu C. Bà C khai đã bán chiếc xe trên cho một cửa hàng cầm đồ, có làm giấy mua bán tay nhưng bà đã làm thất lạc. Hiện bà không có yêu cầu gì. T khai mượn xe trên của mẹ là Võ Thị H. Bà H khai mua lại chiếc xe trên của ông Phạm Văn S, hai bên chỉ làm giấy mua bán tay nhưng bà đã làm mất, chỉ còn giữ lại giấy đăng ký xe, bà không biết T dùng xe đi trộm cắp tài sản (phù hợp với lời khai của T).

Tại cơ quan điều tra Võ Văn T đã khai nhận hành phạm tội phù hợp với lời khai của Bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Biên bản phạm tội quả tang, tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời bị cáo khai nhận, do thấy bị hại sơ hở nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp để đem bán lấy tiền tiêu xài cho cá nhân, nhưng sau khi lấy trộm xong chưa kịp tẩu thoát thì bị bắt giữ.

Tại bản cáo trạng số 05/CTr-VKS ngày 09 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Võ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, cụ thể:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua lời khai của bị cáo thì hành vi trộm cắp kiện hàng bên trong có 49 cái quần lông kiểu nữ màu đen, theo kết quả định giá trong tố tụng hình sự trị giá 2.940.000 đồng (60.000 đồng/cái x 49 cái) là tài sản của bị hại Trương Thị T1, của bị cáo vào khoảng lúc 17 giờ 45 phút ngày 25/10/2017 tại sạp số 150 khu 2B chợ X đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương, bị cáo phạm tội do cố ý, nhân thân bị cáo xấu đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nên cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ căn cứ trên đề nghị áp dụng các điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại, tại phiên tòa bị hại vắng mặt, nhưng căn cứ vào hồ sơ vụ án, nhận thấy bị hại không có yêu cầu gì nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm dân sự.

Về vật chứng vụ án: Đối với 49 cái quần lông kiểu nữ màu đen đã được cơ quan Công an xử lý trả lại cho bị hại. Xét việc xử lý vật chứng của cơ quan Công an là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền, hiện nay không có ai thắc mắc khiếu nại gì nên không cần xem xét lại. Đối với chiếc xe gắn máy, biển số 51U8-8264 là phương tiện bị cáo sử dụng khi phạm tội hiện đang bị thu giữ. Quá trình điều tra xác định người đăng ký là ông Phạm Văn S. Ông S khai đứng tên giùm cho bà Phạm Thị Thu C. Bà C khai đã bán chiếc xe trên cho một cửa hàng cầm đồ, có làm

giấy mua bán tay nhưng bà đã làm thất lạc. Hiện bà không có yêu cầu gì. Trong quá trình điều tra bị cáo khai mượn xe trên của mẹ là Võ Thị H. Bà H khai mua lại chiếc xe trên của ông Phạm Văn S, hai bên chỉ làm giấy mua bán tay nhưng bà đã làm mất, hiện nay bà chỉ còn giữ giấy đăng ký xe, bà không biết T dùng xe đi trộm cắp tài sản, bà xin được nhận lại xe. Xét thấy bà H khai mua xe nhưng không xuất trình được giấy tờ mua bán xe, mà chỉ còn giữ bản chính giấy đăng ký xe. Để đảm bảo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao chiếc xe gắn máy biển số 51U8-8264 cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình để thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp, nếu hết thời hạn thông báo hợp lệ mà không có người tranh chấp thì lập thủ tục trả lại xe cho bà H theo quy định.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo theo Biên bản phạm tội quả tang được lập lúc 18 giờ 00 phút ngày 25/10/2017 tại Công an Phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra quyết định tạm giữ, khởi tố vụ án, khởi tố bị can ra quyết định tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố xét xử đối với bị cáo Võ Văn T về hành vi trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Võ Văn T, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh tụng, thẩm tra các chứng cứ, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua lời khai của bị cáo thì hành vi lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để từ đó lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm 49 cái quần lưng kiềng nữ màu đen, trị giá 2.940.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Đồng thời qua phần phân tích, đánh giá, nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội nhận thấy những căn cứ Viện

kiểm sát viện dẫn làm căn cứ chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo như đã nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

[3] Xét bị cáo có nhân thân xấu, đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại phạm tội, chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật, lần phạm tội này là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần xét xử bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tính tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 49 cái quần lưng kiêu nữ màu đen đã được cơ quan Công an xử lý trả lại cho bị hại. Xét việc xử lý vật chứng của cơ quan Công an là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền, hiện nay không có ai thắc mắc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Đối với chiếc xe gắn máy, biển số 51U8-8264 là phương tiện bị cáo sử dụng khi phạm tội hiện đang bị thu giữ. Quá trình điều tra xác định người đăng ký là ông Phạm Văn S. Ông S khai đứng tên giùm cho bà Phạm Thị Thu C. Bà C khai đã bán chiếc xe trên cho một cửa hàng cầm đồ, có làm giấy mua bán tay nhưng bà đã làm thất lạc. Hiện bà không có yêu cầu gì. Trong quá trình điều tra bị cáo khai mượn xe trên của mẹ là Võ Thị H. Bà H khai mua lại chiếc xe trên của ông Phạm Văn S, hai bên chỉ làm giấy mua bán tay nhưng bà đã làm mất, hiện bà chỉ còn giữ giấy đăng ký xe, bà không biết T dùng xe đi trộm cắp tài sản. Xét thấy bà H khai mua xe nhưng không xuất trình được giấy tờ mua bán xe, mà chỉ còn giữ bản chính giấy đăng ký xe. Để đảm bảo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao chiếc xe gắn máy biển số 51U8-8264 cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình để thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp, nếu hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có người tranh chấp thì lập thủ tục trả lại xe cho bà H theo quy định.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Như đã phân tích ở phần trên, do tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại, tại phiên tòa bị hại vắng mặt, nhưng căn cứ vào hồ sơ vụ án, nhận thấy bị hại không có yêu cầu gì thêm nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm dân sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 106, Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: VÕ VĂN T 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/10/2017.

[2] Giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp hiện nay của chiếc xe gắn máy biển số 51U8-8264, số khung: 00515190827-PCG, số máy: 10401041-FMG3, trong thời gian 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có ai tranh chấp, thắc mắc khiếu nại, thì Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình lập thủ tục trả lại xe cho bà Võ Thị H theo quy định (tình trạng xe theo Phiếu nhập kho vật chứng số 18/PNK ngày 22/12/2017 của Công an quận Tân Bình).

[3] Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo, người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Trí**